

Bản án số 01/2021/KDTM-PT

Ngày 19-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2020/TLPT-KDTM, ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐPT-KDTM, ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Tân Thuận Thành – Hậu G

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Ngọc Ph – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp Tân Phú Th, ấp Phú Th1, xã Tân Phú Th2, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh V (đại diện theo ủy quyền).

Địa chỉ: Số 202, đường Trần Ph1, phường Cái Kh, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Hoàng Nh – Công ty Luật TNHH MTV Lê H.

Địa chỉ: Số 202, đường Trần Ph1, phường Cái Kh, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ Đức Th3

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc Th4 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số P2304 Tòa nhà Locogil 3, Khuất Duy T, phường Nhân Ch, quận Thanh X, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Quan Ái Nh1 (đại diện theo ủy quyền).

Địa chỉ: Số 17 Trần Khánh D, phường Tân Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Minh Ng – Công ty Luật hợp danh Việt N.

Địa chỉ: Số 17 Trần Khánh D, phường Tân Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Xuân Tr.

Địa chỉ: Số 158/67 Hoàng Hoa Th5, phường 12, quận Tân B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành – Hậu G và bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ Đức Th3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Tân Thuận Thành – Hậu G (sau đây gọi tắt là Công ty Tân Thuận Thành) trình bày:

Vào ngày 03/8/2015 Công ty TNHH Tân Thuận Thành - HG có ký kết hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT và phụ lục hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 20/8/2015 với Công ty cổ phần Đầu tư và công nghệ Đức Th3 (Công ty Đức Th3) để mua dây chuyền sản xuất gạch không nung hiệu QM10-15 Fu Fan với giá trị hợp đồng là 7.084.900.000 đồng.

Tuy nhiên giữa Công ty Tân Thuận Th6 và Công ty Đức Th3 có ký thêm hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8/2015, không có ghi ngày với giá là 8.338.000.000 đồng.

Riêng đối với số tiền 1.000.000.000đồng mà Công ty Đức Th3 có chuyển vào tài khoản riêng của ông Đặng Xuân Tr, thì phía nội bộ Công ty Tân Thuận Th5 có giải quyết với ông Tr và ông Tr đã chuyển trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng cho công ty TNHH Tân Thuận Th5 xong.

Do bị đơn vi phạm các thỏa thuận theo hợp đồng nên yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03/8/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 20/8/2015 với số tiền 7.084.900.000 đồng, hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8/2015 số tiền 8.338.000.000 đồng và hủy hóa đơn giá trị gia tăng số 0000024 ngày 10/12/2015 của Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 và buộc Công ty Đức Th3 trả lại tiền đã thanh toán cho Công ty Tân Thuận Th5 là 6.247.592.800 đồng và công ty Tân Thuận Th5 sẽ hoàn trả dây chuyền sản xuất gạch không nung cho bị đơn. Với các căn cứ như sau:

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Trịnh Ngọc Ph cho rằng ông Tr đứng ra ký kết hợp đồng nhưng ông Tr không phải người đại diện theo pháp luật nên hợp đồng không có giá trị pháp lý.

- Giá trị thực của hợp đồng là 7.084.900.000 đồng (Bảy tỷ không trăm tám mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng) là phù hợp với hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03/8/2015 và bảng chào giá dây chuyền sản xuất gạch ống ngày 30/7/2015 nên hợp đồng các bên giao kết và thực hiện là hợp

đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03/8/2015.

Do đó, Công ty Đức Th3 cho rằng hợp đồng giao kết và để thực hiện là hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT vào tháng 8 năm 2015 (không ghi ngày) với số tiền 8.338.000.000 đồng và yêu cầu Công ty Tân Thuận Th5 phải trả lại số tiền 1.910.680.000 đồng là hoàn toàn không có cơ sở.

Mặc khác, theo thỏa thuận thì Công ty Tân Thuận Th5 đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán vào ngày 02/10/2015 cho Công ty Đức Th3 nhưng đến ngày 06/7/2016 thì dây chuyền sản xuất vẫn còn bị hư hỏng liên tục, chưa thể đi vào sản xuất cho ra sản phẩm, bị đơn đã vi phạm tổng thời gian thực hiện theo hợp đồng. Tại biên bản nghiệm thu chạy thử ngày 06/7/2016 có một số thiết bị hỏng và có xác nhận của Công ty Đức Th3 nhưng phía Công ty Đức Th3 vẫn chưa tiến hành khắc phục, sửa chữa nên việc nghiệm thu hoàn chỉnh không được thực hiện.

Đến nay hai bên vẫn chưa tiến hành nghiệm thu dây chuyền sản xuất gạch không nung vì từ ngày lắp đặt dây chuyền vẫn đang ở giai đoạn chạy thử và bị hư hỏng liên tục, chưa cho ra sản phẩm nên đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 312 Luật thương mại hủy hợp đồng nêu trên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ Đức Th3 (sau đây gọi tắt là Công ty Đức Th3) trình bày:

Hai bên Công ty Đức Th3 và Công ty Tân Thuận Th5 có thỏa thuận việc ký kết hai hợp đồng là hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03/8/2015 với giá 7.084.900.000 đồng và hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8 năm 2015 (không ghi ngày) với giá là 8.338.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8 năm 2015 (không ghi ngày) là thỏa thuận riêng giữa ông Đặng Xuân Tr và ông Hoàng Ngọc Th với điều kiện nếu thực hiện theo hợp đồng không ghi ngày với giá là 8.338.000.000 đồng thì sẽ chuyển cho ông Tr số tiền là 1.500.000.000 đồng là khoản tiền để chi hoa hồng và Công ty Đức Th3 đã chuyển cho ông Tr số tiền 1.000.000.000 đồng, được biết số tiền này ông Tr đã chuyển lại cho Công ty Tân Thuận Th5, nay bị đơn Công ty cổ phần công nghệ Đức Th3 yêu cầu Công ty Tân Thuận Th5 trả lại số tiền này cho bị đơn. Đồng thời, bị đơn có yêu cầu thay đổi yêu cầu phản tố ngày 21/7/2017, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý hủy hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03/8/2015 với số tiền 7.084.900.000 đồng, hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT vào tháng 8 năm 2015 (không ghi ngày); không đồng ý trả lại số tiền 6.247.592.800 đồng, yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng vì phía bị đơn không có vi phạm các nghĩa vụ cơ bản trong hợp đồng, đề nghị buộc Công ty Tân Thuận Thành trả lại số tiền huê hồng đã nhận 1.000.000.000 đồng của bị đơn chuyển cho ông Đặng Xuân Tr, vì số tiền này theo nguyên đơn trình bày là đã nhận lại từ ông Đặng Xuân Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đặng Xuân Tr trình bày: Ông là Giám đốc của công ty TNHH Tân Thuận Thành-HG, đại diện công ty có ký kết hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03/8/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 20/8/2018 tổng cộng với số tiền 7.084.900.000 đồng và bị đơn có

thỏa thuận riêng với ông là sẽ chiết khấu lại cho Công ty Tân Thuận Th5 số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau đó hai bên có ký thêm 01 hợp đồng kinh tế khác số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8/2015 (không ghi ngày) với số tiền 8.338.000.000 đồng, hợp đồng này được ký theo đề nghị của phía Công ty Đức Th3 để vay ngân hàng theo trình bày của Công ty Đức Th3 và Công ty Đức Th3 đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000024 cho Công ty TNHH Công ty Tân Thuận Thành–HG ngày 10/12/2015 với số tiền 8.338.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Tân Thuận Th5 đã chuyển cho Công ty Đức Th3 số tiền 7.100.000.000 đồng và Công ty Đức Th3 đã chuyển cho Công ty Tân Thuận Th5 số tiền chiết khấu 1.000.000.000 đồng nhưng chuyển vào tài khoản riêng của ông, số tiền này là do Công ty Đức Th3 chiết khấu hỗ trợ cho Công ty Tân Thuận Th3 và kèm thỏa thuận không nhận lại, còn số tiền 500.000.000 đồng thì phía Công ty Đức Th3 chưa chuyển. Việc ông và Công ty Tân Thuận Th5 thỏa thuận phù hợp với thực tế nội bộ và phía Công ty Tân Thuận Th5 đã giảm trừ số tiền 1.000.000.000 đồng này trực tiếp trong đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến đại diện theo ủy quyền của người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Xuân Tr, đồng thời xin vắng mặt trong các phiên hòa giải, công bố chứng cứ và xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM -ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG.

Hủy hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8/2015 (không ghi ngày) được ký kết giữa Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ ĐứcTh3 và Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG với giá 8.338.000.000 đồng

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG về việc yêu cầu hủy hóa đơn giá trị gia tăng số 0000024 ngày 10/12/2015 của Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3.

Buộc bị đơn và nguyên đơn có trách nhiệm phối hợp điều chỉnh hóa đơn giá trị gia tăng đã lập ngày 10/12/2015 đúng với giá trị thực của hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG và Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại số tiền 6.247.592.800 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Thành về việc yêu cầu Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng tiền chi hoa hồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện theo ủy quyền bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 đồng ý trả cho Nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG số tiền tổng cộng là 75.851.875 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, bị đơn có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc công ty Thuận Th5 hoàn trả cho công ty Đức Th3 số tiền 1.000.000.000 đồng sau khi trừ số tiền chi hộ 59.851.875 đồng và 16.000.000 đồng chênh lệch giữa hợp đồng và thực tế nguyên đơn đã chuyển khoản số tiền còn lại là 924.000.000 đồng.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo:* Đề nghị cấp phúc thẩm ghi nhận các vấn đề đã được chấp nhận tại bản án sơ thẩm, điều chỉnh số tiền nguyên đơn yêu cầu giảm xuống còn 1.595.628.340 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các vấn đề sau:

- Ghi nhận các vấn đề có lợi cho nguyên đơn theo bản án sơ thẩm đã tuyên;
- Nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng số 19 có giá trị 7.084.000.000 đồng. Đối với hóa đơn giá trị gia tăng trị giá 8.338.000.000 đồng thì Chi cục thuế Châu T đã xác nhận “Dây chuyền sản xuất gạch đã được xuất toán với lý do không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, công ty chưa hạch toán vào tài sản cố định, chưa trích khấu hao”. Do vậy đã xác định số tiền thanh toán thực tế là 7.100.000.000 đồng. Việc này cũng đã được Chi cục thuế khu vực IV xác nhận theo công văn số 06/CCT-KTr ngày 11/01/2021 là phù hợp.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn như vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng tại khoản 3.2 Điều 3 của hợp đồng khoản 11.2 Điều 11 của Hợp đồng; Phía bị đơn chuyển giao thiết bị dây chuyền sản xuất gạch không nung hiệu QM10-15 cho nguyên đơn không đúng hợp đồng đã giao kết; Dây chuyền sản xuất gạch không nung trên vẫn chưa được nghiệm thu, bàn giao thiết bị theo hợp đồng ngày 20/8/2015 vẫn ở giai đoạn nghiệm thu chạy thử; Thiết bị của dây chuyền bị hư hỏng liên tục, chưa cho ra sản phẩm hoàn chỉnh để có thể sản xuất ra thị trường.

- Việc nguyên đơn điều chỉnh số tiền yêu cầu giảm xuống còn 1.595.628.340 đồng là phù hợp gồm tiền chuyển giao công nghệ; lãi chậm tiến độ, tiền chi hộ bị đơn thừa nhận, tiền sửa chữa thiết bị.

- Việc ông Trường nhận huê hồng 1.000.000.000 đồng là cá nhân ông Trường với bị đơn không liên quan tới công ty Thuận Thành. Ông Trường thực hiện công việc không có ủy quyền.

Từ căn cứ trên nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn cho rằng, số tiền 1.000.000.000 đồng là tiền chi huê hồng cho cá nhân ông Đặng Xuân Tr theo thỏa thuận riêng của ông Đặng Xuân Tr với ông Hoàng Ngọc Th khi thực hiện theo hợp đồng trị giá 8.338.000.000 đồng. Các chứng từ chuyển tiền đã thể hiện rõ, người nhận tiền là cá nhân ông

Tr chứ không phải Công ty Thuận Th5. Do vậy, khi các bên không thực hiện theo hợp đồng trị giá 8.338.000.000 đồng nữa thì xem như thỏa thuận chi huê hồng không thành thì ông Tr phải trả lại số tiền trên cho bị đơn nhưng do ông Tr đã chuyển tiền cho Công ty Thuận Th5 nên đề nghị Công ty Thuận Th5 phải trả lại số tiền chi huê hồng này. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không chính xác, thiếu căn cứ, không phù hợp thực tế và chứng từ có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, phía bị đơn có cung cấp giấy chứng nhận chất lượng thiết bị, chứng nhận phù hợp các quy chuẩn của Bộ xây dựng. Nếu một dàn máy hư hỏng thì không thể có hai giấy chứng nhận trên, biên bản nguyên đơn cho rằng nghiệm thu chạy thử có tên gọi đúng là biên bản nghiệm thu, do đó bị đơn cho rằng hai bên công ty đã nghiệm thu xong, vì trước đó đã có rất nhiều biên bản nghiệm thu chạy thử. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố, kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Công ty Tân Thuận Th5 đã hạch toán theo hợp đồng 8.338.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định việc có thỏa thuận chi huê hồng 1.000.000.000 đồng cho cá nhân ông Tr. Theo thỏa thuận ban đầu giữa ông Tr và ông Hoàng Ngọc Th ký kết và thực hiện theo hợp đồng 8.338.000.000 đồng thì chi huê hồng cho ông Tr là 1.500.000.000 đồng nhưng mới chuyển cho ông Tr 1.000.000.000 đồng, còn 500.000.000 đồng huê hồng do không thu được số tiền 1.200.000.000 đồng theo hợp đồng 8.338.000.000 đồng nên chưa chi thêm. Trong quá trình vận hành do phía nguyên đơn không tuân thủ đúng quy trình vận hành nên máy móc có bị hư hỏng, do đó, bị đơn không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, việc nguyên đơn yêu cầu bồi thường hơn 1.595.000.000 đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Bị đơn đề nghị bên nguyên đơn làm rõ hóa đơn 8.338.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không làm rõ và sơ thẩm cũng không làm rõ vấn đề này. Lập luận của bản án sơ thẩm cũng chưa làm rõ yêu cầu phản tố của bị đơn. Phía bị đơn đã xuất hóa đơn 8.338.000.000 đồng cho nguyên đơn, giả sử thực hiện hợp đồng 7.084.000.000 đồng thì tại sao nguyên đơn lại chỉ thừa 7.100.000.000 đồng cho bị đơn, chứng tỏ còn có số tiền cần phải chi thêm. Lý do tại sao nguyên đơn hạch toán theo hóa đơn 8.338.000.000 đồng thì nguyên đơn chưa giải thích được. Nguyên đơn trình bày việc ký kết hợp đồng 8.338.000.000 đồng là nhằm mục đích cho bị đơn đi vay ngân hàng nhưng thực tế bị đơn không hề có việc vay ngân hàng. Nguyên đơn và ông Trường trước đây đều thừa nhận 1 tỷ đồng là chiết khấu cho công ty. Giao dịch chi huê hồng là giao dịch có điều kiện nên bị đơn không thể chi tiếp cho ông Tr 500.000.000 đồng. Do thay đổi lời khai về người giữ số tiền huê hồng nên bị đơn mới thay đổi yêu cầu phản tố. Qua thu thập chứng cứ mới xác định được rằng hóa đơn 8.338.000.000 đồng đã được nguyên đơn hạch toán năm 2015. Những bằng chứng thông tin chiết tính không phải là chứng từ hợp lệ nên bị đơn không đồng ý. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trong khi tại phiên tòa sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia phiên tòa. Việc tuyên của cấp sơ thẩm đối với quyền kháng cáo là chưa đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn đã kháng cáo trong thời hạn luật định nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Đồng thời lập lại 02 lần quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự là không cần thiết. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, tránh những sai sót tương tự.

[1.3] Cấp sơ thẩm tuyên các nội dung sau:

Hủy hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8/2015 (không ghi ngày) được ký kết giữa Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ ĐứcTh3 và Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG với giá 8.338.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành - HG về việc yêu cầu hủy hóa đơn giá trị gia tăng số 0000024 ngày 10/12/2015 của Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Thà3

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG và Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện theo ủy quyền bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 đồng ý trả cho Nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG số tiền tổng cộng là 75.851.875 đồng, trong đó có 16.000.000 đồng tiền dư còn lại theo hợp đồng và 59.851.875 đồng tiền chi hộ nhân công, vật tư.

Các đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập giải quyết lại.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu điều chỉnh số tiền giảm xuống còn 1.595.628.340 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chỉ khởi kiện hủy các hợp đồng có liên quan, đồng thời buộc bị đơn trả số tiền 6.247.592.800 đồng bao gồm 6,1 tỷ đồng là tiền đã chuyển trả theo hợp đồng và 147.592.800 đồng tiền nhân công, vật tư, vận chuyển đã thanh toán.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn lại yêu cầu số tiền 1.595.628.340 đồng bao gồm tiền chuyển giao công nghệ, tiền lãi, thuê xe, nhân công và tiền sửa chữa. Xét thấy, các khoản tiền này không được nguyên đơn yêu cầu trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm. Cấp sơ thẩm chưa thụ lý, xem xét các yêu cầu này của nguyên đơn. Thêm vào đó, nguyên đơn cũng thống nhất với việc bản án sơ thẩm đã tuyên là không hủy hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty TNHH Tân Thuận Thành-HG và Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 nên cũng không đặt ra vấn đề xử lý hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng. Theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*. Do đó, yêu cầu điều chỉnh kháng cáo của nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn buộc công ty Thuận Thành hoàn trả cho công ty Đức thành số tiền chi huê hồng 1.000.000.000 đồng sau khi trừ số tiền Công ty Thuận Thành đã chi hộ 59.851.875 đồng và 16.000.000 đồng chênh lệch giữa hợp đồng và thực tế nguyên đơn đã chuyển khoản số tiền còn lại là 924.148.125 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn, bị đơn và ông Đặng Xuân Tr đều thừa nhận số tiền một tỷ đồng là tiền chi huê hồng và người thừa hưởng là cá nhân ông Đặng Xuân Tr. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn cho rằng, tiền huê hồng này ràng buộc điều kiện là thực hiện hợp đồng trị giá 8.338.000.000 đồng, tuy nhiên, bị đơn cho rằng các bên chỉ thỏa thuận miệng, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có sự ràng buộc này, trong khi đó nguyên đơn và ông Đặng Xuân Tr không thừa nhận. Thêm vào đó, theo bảng tính giá trị hợp đồng ngày 16/12/2015 các bên đã xác định giá trị hợp đồng thực là 6.589.000.000 đồng, giá trị phụ lục là 495.900.000 đồng, tổng giá trị là 7.084.900.000 đồng. Mặc khác, tại phiên tòa bị đơn vẫn thừa nhận các bên đã thực hiện xong hợp đồng này. Do đó, có cơ sở để xác định giá trị thực của hợp đồng không phải là số tiền như bị đơn trình bày. Ngoài ra, việc thỏa thuận giữa ông Đặng Xuân Tr và bị đơn không ràng buộc quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn, đồng thời ông Đặng Xuân Tr và nguyên đơn thỏa thuận liên quan đến việc nguyên đơn nhận ông Đặng Xuân Tr một tỷ đồng cũng là một giao dịch khác không nằm trong phạm vi thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận việc đòi lại số tiền chi huê hồng sau khi giảm trừ là 924.148.125 đồng của bị đơn. Lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với việc cấp sơ thẩm buộc bị đơn và nguyên đơn có trách nhiệm phối hợp điều chỉnh hóa đơn giá trị gia tăng đã lập ngày 10/12/2015 đúng với giá trị thực của hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm

2015. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu giải quyết, đồng thời cấp sơ thẩm cũng đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành - HG về việc yêu cầu hủy hóa đơn giá trị gia tăng số 0000024 ngày 10/12/2015 của Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3. Do đó, cấp phúc thẩm có sự điều chỉnh lại cho phù hợp.

[5] Về quyết định lãi, lãi suất trong bản án của Tòa án.

Trong phần quyết định của bản án, cấp sơ thẩm tuyên lãi chậm trả được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 là chưa phù hợp với Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cũng như Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có sự điều chỉnh lại.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm chưa nhận định về phần án phí sơ thẩm nhưng tuyên trong phần quyết định của bản án là sai sót cần rút kinh nghiệm.

Do nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty TNHH Tân Thuận Thành-HG và Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3, buộc bị đơn trả số tiền 6.247.592.800 đồng được xem là yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Trong trường hợp này không có ai phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản hoặc bồi thường thiệt hại nên nguyên đơn chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT ngày 03 tháng 8 năm 2015 không được Tòa án chấp nhận là 3.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8/2015 (không ghi ngày) của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí không giá ngạch đối với yêu cầu này của nguyên đơn là 3.000.000 đồng.

Bị đơn yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả 1.000.000.000 đồng tiền chi huê hồng nhưng không được Tòa án chấp nhận do vậy bị đơn phải chịu án phí là 42.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các đương sự.

[7] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại, nhưng cấp sơ thẩm lại thông báo cho các đương sự nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là chưa đúng quy định. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Các đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 51, Điều 306 của Luật Thương mại 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường

vụ quốc hội; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG.

- Hủy hợp đồng số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT tháng 8/2015 (không ghi ngày) được ký kết giữa Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 và Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG với giá 8.338.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng kinh tế số 19/2015/HĐKT/TTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG và Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại số tiền đã thanh lý hợp đồng 6.247.592.800 đồng và hoàn trả dây chuyền sản xuất cho bị đơn.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG về việc yêu cầu hủy hóa đơn giá trị gia tăng số 0000024 ngày 10/12/2015 của Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 về việc yêu cầu Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG trả lại số tiền huê hồng (bị đơn yêu cầu trả 1.000.000.000 đồng nếu được chấp nhận sẽ giảm trừ các khoản chi hộ và chênh lệch hợp đồng vào số tiền còn lại là 924.148.125 đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 đồng ý trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành–HG số tiền tổng cộng là 75.851.875 đồng (Bảy mươi lăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 phải chịu 45.000.000 đồng (Trong đó 3.000.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; 42.000.000 đồng án phí có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận) được khấu trừ số tiền tạm ứng là 34.700.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0011082 ngày 17/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T thành án phí, Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 còn phải nộp thêm số tiền là 10.300.000 đồng.

- Công ty TNHH Tân Thuận Thành-HG phải chịu là 3.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 56.124.000 đồng theo biên lai số 0011027 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T thành án phí, nguyên đơn được nhận lại số tiền 53.124.000 đồng.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức Th3 phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002006 ngày 11/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T tỉnh Hậu Giang thành án phí, bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ Đức T3 còn phải nộp thêm 1.700.000 đồng.

- Nguyên đơn Công ty TNHH Tân Thuận Thành-HG phải chịu 2.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002007 ngày 11/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T tỉnh Hậu Giang thành án phí, nguyên đơn còn phải nộp thêm 1.700.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 19/3/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. Châu T;
- Chi cục THADS H. Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tiến – Trịnh Thị Bích Hạnh

Dương Quốc Tuấn